

Số: 2856229

|                                                | Mazda2 1.5L AT                               | Kia Soluto AT Deluxe (xe tập lái) |
|------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>418.000.000đ</b>                          | <b>439.000.000đ</b>               |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                              |                                   |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4355 x 1695 x 1470                           |                                   |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2570                                         |                                   |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5000                                         |                                   |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 140                                          |                                   |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1109                                         |                                   |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1528                                         |                                   |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 440                                          |                                   |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 44                                           |                                   |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                            |                                   |
| Nguồn gốc                                      | Nhập Khẩu                                    |                                   |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                              |                                   |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 1.5L                              |                                   |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1496                                         |                                   |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 110 / 6000                                   |                                   |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 144 / 4000                                   |                                   |
| Hộp số                                         | 6AT                                          |                                   |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                              |                                   |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập McPherson                            |                                   |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn                                   |                                   |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                          |                                   |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                          |                                   |
| Thông số lốp xe                                | 185/65 R15                                   |                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 7.91                                         |                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 5.07                                         |                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 6.11                                         |                                   |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                                            |                                   |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport                                 |                                   |
| Chế độ địa hình                                | -                                            |                                   |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC Plus |                                   |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                              |                                   |
| Cụm đèn trước                                  | LED                                          |                                   |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | -                                            |                                   |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                                            |                                   |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                            |                                   |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                                            |                                   |
| Đèn ban ngày LED                               | Halogen                                      |                                   |
| Đèn sương mù                                   | -                                            |                                   |
| Cụm đèn sau                                    | Halogen                                      |                                   |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | Chỉnh điện                                   |                                   |
| Gạt mưa tự động                                | -                                            |                                   |
| Cửa sổ trời                                    | -                                            |                                   |

## **NỘI THẤT - TIỆN NGHI:**

|                                      |                  |
|--------------------------------------|------------------|
| Vô lăng bọc da                       | -                |
| Chất liệu ghế                        | Nỉ               |
| Ghế người lái chỉnh cơ               | ●                |
| Ghế người lái chỉnh điện             | -                |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | -                |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ   | ●                |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | -                |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | -                |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | -                |
| Hàng ghế trước có tính năng massage  | -                |
| Tính năng cửa hít                    | -                |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | Analog + Digital |
| Màn hình HUD                         | -                |
| Màn hình giải trí trung tâm          | -                |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | -                |
| Hệ thống điều hòa tự động            | Chỉnh cơ         |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | 1                |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | -                |
| Chìa khóa thông minh                 | ●                |
| Khởi động nút bấm                    | ●                |
| Khởi động từ xa                      | -                |
| Hệ thống âm thanh                    | 4 loa            |
| Lấy chuyển số                        | -                |
| Sạc không dây Qi                     | -                |
| Phanh đỗ điện tử                     | -                |
| Giữ phanh tự động Autohold           | -                |
| Đèn trang trí nội thất               | -                |
| Rèm che nắng                         | -                |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●                |

## **AN TOÀN:**

|                                                 |   |
|-------------------------------------------------|---|
| Số túi khí                                      | 2 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ● |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ● |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ● |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ● |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ● |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ● |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ● |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | - |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | - |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | - |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | - |

|                                          |   |
|------------------------------------------|---|
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường            | - |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | - |
| Hệ thống điều khiển hành trình           | - |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | - |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | - |
| Camera lùi                               | - |